Chapter 14: Noun Clauses

1. Exercise 1. Warm-up. (Chart 14-1)

Check (✓) all the sentences that are grammatically correct.
Chọn những câu đúng ngữ pháp trong các câu dưới đây.



1. How much does this book cost?
2. I don't know.
3. How much this books costs?
4. I don't know how much this book costs.

14-1 Noun Clauses: Introduction

S V O (a) I know ***his address.*** *(noun phrase)* S V O (b) I know ***where he lives.*** *(noun clause)*	Verbs are often followed by objects. The object is usually a noun phrase.* In (a): ***his address*** is a noun phrase; ***his address*** is the object of the verb know. Some verbs can be followed by noun clauses. In (b): ***where he lives*** is a noun clause; ***where he lives*** is the object of the verb know. *Động từ thường đi cùng với tân ngữ. Và tân ngữ thường là một cụm danh từ.* *Ở ví dụ (a): **his address** là một cụm danh từ;* ***his address** là tân ngữ của động từ trong câu.* *Một số động từ có thể đi cùng với mệnh đề danh từ.* *Ở ví dụ (b): **where he live** là một mệnh đề danh từ;* ***where he lives** là tân ngữ của động từ trong câu*
S V O (c) I know ***where he lives***	A noun clause has its own subject and verb. In (c): ***he*** is the subject of the noun clause; ***lives*** is the verb of the noun clause. *Mệnh đề danh từ có chủ ngữ và động từ riêng.* *Ở ví dụ (c): **he** là chủ ngữ của mệnh đề danh từ.* ***Lives** là động từ của mệnh đề danh từ.*
(d) I know ***where my book is.*** *(noun clause)*	A noun clause can begin with a question word. (See Chart 14-2.) *Mệnh đề danh từ có thể bắt đầu bằng từ để hỏi (Xem bảng 14-2)*

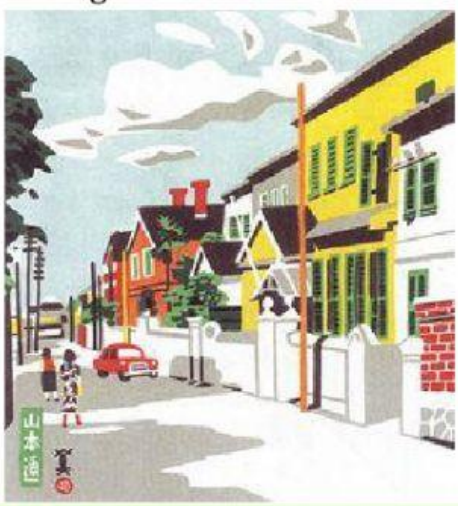
LIVEWORKSHEETS

(e) I don't know ***if Ed is married.*** *(noun clause)*	A noun clause can begin with ***If*** or ***whether***. (See Chart 14-3.) *Mệnh đề danh từ có thể bắt đầu bằng **If** hoặc **whether** (Xem bảng 14-3)*
(f) I know ***that the world is round.*** *(noun clause)*	A noun clause can begin with ***that***. (See Chart 14-4.) *Mệnh đề danh từ có thể bắt đầu bằng **That** (Xem bảng 14-4)*

2. Exercise 2. Looking at grammar. (Chart 14-1)

Identify the noun clauses. Some sentences have no noun clauses.
Xác định mệnh đề danh từ. Một số câu có thể không có mệnh đề danh từ.

1. Where are the Smiths living? →Noun Clause:
2. I don't know where the Smiths are living. →Noun Clause:
3. We don't know what city they moved to. →Noun Clause:
4. We know that they moved a month ago. →Noun Clause:
5. Are they coming back? →Noun Clause:
6. I don't know if they are coming back. →Noun Clause:



14-2 Noun Clauses That Begin with a Question Word

These question words can be used to introduce a noun clause: **when, where, why, how, who, (whom), what, which, whose.**

Information Question	Noun Clause	Notice in the examples: Usual question word order is NOT used in a noun clause. *Nhìn vào ví dụ có thể thấy: Trật tự từ để hỏi bình thường KHÔNG được sử dụng trong mệnh đề danh từ.* *INCORRECT*: I know where does he live. *CORRECT*: I know where he lives
Where ***does he live?***	S V (a) I don't know where ***he lives***.	
When ***did they leave?***	S V (b) Do you know when ***they left?***	
What ***did she say?***	S V (c) Please tell me what ***she said***.	
Why ***is Tom*** absent?	S V (d) I wonder why ***Tom is*** absent.	

LIVEWORKSHEETS

V S Who ***is*** ***that boy?*** V S Whose pen ***is*** ***this?***	S V (e) Tell me who ***that boy*** ***is***. S V (f) Do you know whose pen ***this is?***	A noun or pronoun that follows main verb be in a question comes in front of be in a noun clause, as in (e) and (f). *Danh từ và đại từ đứng sau động từ **tobe** trong câu hỏi thường đứng trước động từ **tobe** trong mệnh đề danh từ, như ở ví dụ (e) và (f).*
S V ***Who*** ***is*** in the office? S V ***Whose keys*** ***are*** on the counter?	S V (g) I don't know ***who is*** in the office. S V (h) I wonder ***whose keys*** ***are*** on the counter	A prepositional phrase (e.g., in the office) does not come in front of be in a noun clause, as in (g) and (h). *Cụm giới từ (vd: in the office) không được đứng trước động từ **tobe** trong mệnh đề danh từ, như ở ví dụ (g) và (h).*
Who came *to class?* ***What*** *happened?*	S V (i) I don't know ***who came*** to class. S V (j) Tell me ***what happened***	In (i) and (j): Question word order and noun clause word order are the same when the question word is used as a subject. *Ở ví dụ (i) và (j): Trật từ từ để hỏi và mệnh đề danh từ giống nhau trong trường hợp từ để hỏi đóng vai trò là chủ ngữ.*

3. Exercise 3. Looking at grammar. (Charts 5-2 and 14-2)

Decide if the given words are **a noun clause** or an **information question**. If a noun clause, add ***I don't know.*** If an information question, add a capital letter and a question mark.

*Xác định những cụm từ được cho dưới đây là **mệnh đề danh từ** hay **câu hỏi**. Nếu đó là **mệnh đề danh từ** thì thêm **I don't know** vào trước câu đó. Nếu đó là **câu hỏi thông tin** thì **viết hoa** chữ cái đầu tiên và **thêm dấu chấm hỏi** ở cuối câu.*

	NOUN CLAUSE	INFORMATION QUESTION

1. a. why he left.
   → ***I don't know*** why he left.
   b. why did he leave
   → **W**hy did he leave**?**
2. a. where she is living
   →

LIVEWORKSHEETS

b. where is she living

→

3. a. where did Nick go

→

b. where Nick went

→

4. a. what time the movie begins

→

b what time does the movie begin

→

5. a. why is Yoko angry

→

b. why Yoko is angry

→

4. Exercise 4. Looking at grammar. (Charts 5-2 and 14-2)

Identify the subject (S) and verb (V) of Speaker A's question. Complete Speaker B's response with a noun clause.

Xác định chủ ngữ (S) và động từ (V) trong câu hỏi của Speaker A. Hoàn thành câu trả lời của Speaker B với một mệnh đề danh từ.



V ***S***

1. A: Why *is* *fire* hot?
   B: I don't know *why fire is* hot.

2. A: Where does Frank go to school?
   B: I don't know _____ to school.

3. A: Where did Natasha go yesterday?
   B: I don't know. Do you know _____ yesterday?

4. A: Why is Maria laughing?
   B: I don't know. Does anybody know _____?

5. A: How much does an electric car cost?
   B: Peter can tell you _____.



6. A: How long do elephants live?
   B: I don't know_____.

7. A: When was the first wheel invented?

LIVEWORKSHEETS

B: I don't know. Do you know _____?





8. A: How many hours does a light bulb burn?
   B: I don't know exactly _____.

9. A: Where did Emily buy her computer?
   B: I don't know _____.

10. A: Who lives next door to Kate?
    B: I don't know _____ next door to Kate.

11. A: Who did Julie talk to?
    B: I don't know_____ to.

12. A: Why is Mike always late?
    B: You tell me! I don't understand _____ late.

5. Exercise 5. Looking at grammar. (Chart 14-2)

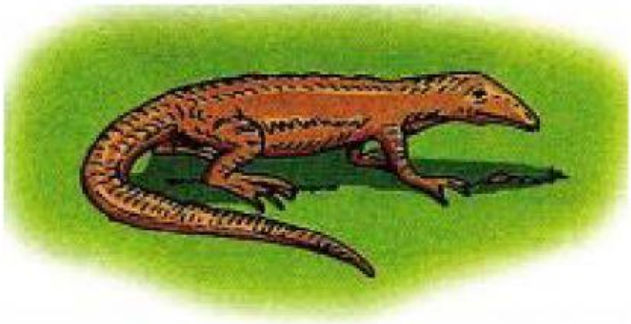
Complete the responses with noun clauses.
Hoàn thành các câu sau, sử dụng mệnh đề danh từ.

1. A: Who is that woman?
   B: I don't know *who that woman is*_____.

2. A: Who is on the phone?
   B: I don't know_____*who is on the phone*_____.

3. A: What is a lizard?
   B: I don't know_____.

LIVEWORKSHEETS



4. A: What is in that bag?
   B: I don't know_____.

5. A: Whose car is that?
   B: I don't know_____.



6. A: Whose car is in the driveway?
   B: I don't know_____.

7. A: Who is Bob's doctor?
   B: I'm not sure_____.

8. A: Whose ladder is this?
   B: I don't know _____ . Hey, Hank, do you know?
   C: It's Hiro's.

9. A: What's at the end of a rainbow?
   B: What did you say, Susie?
   A: I want to know_____.

6. Exercise 6. Looking at grammar. (Charts 5-2 and 14-2)

Complete the sentences with the correct form of the words in parentheses.
Hoàn thành các câu sau với dạng đúng của từ được cho trong ngoặc.



1. A: Where (Sophia, eat) __*did Sophia eat*__ lunch yesterday?
   B: I don't know where (she, eat) __*she ate*__ lunch yesterday.

2. A: Do you know where (Jason, work) _____?
   B: Who?
   A: Jason. Where (he, work) _____?
   B: I don't know.

3. A: Where (you, see) _____ the ad for the computer sale last week?
   B: I don't remember where (I, see) _____ it. In one of the local papers, I think.

LIVEWORKSHEETS

4. A: How can I help you?
   B: How much (that camera, cost) _____?
   A: You want to know how much (this camera, cost) _____, is that right?
   B: No, not that one. The one next to it.



5. A: How far (you, can run) _____ without stopping?
   B: I have no idea. I don't know how far (I, can run) _____ without stopping. I've never tried.

6. A: Ann was out late last night, wasn't she? When (she, get) _____ in?
   B: Why do you want to know when (she, get) _____ home?
   A: Just curious.

7. A: What time (it, is) _____?
   B: I don't know. I'll ask Sara. Sara, do you know what time (it, is) _____ ?
   C: Almost four-thirty.

8. A: Mom, why (some people, be) _____ mean to other people?
   B: Honey, I don't really understand why (some people, be) _____ mean to others. It's difficult to explain.

"You get what you pay for" – " Tiền nào của nấy"

LIVEWORKSHEETS